

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014  
(đã được kiểm toán)

Người nhận:.....

CỤC THUẾ TP. HÀ NỘI  
NAM 2015

31-03-

Phòng Kế khai thuế

## NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo Kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06 - 36
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 36

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Công trình Viettel (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

### CÔNG TY

Công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước Công ty TNHH NN MTV Công trình Viettel sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 135/QĐ-BQP ngày 15/01/2010 về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Công trình Viettel thuộc Tổng Công ty Viễn thông Quân đội (nay là Tập đoàn Viễn thông Quân Đội) thành công ty cổ phần. Công ty Cổ phần Công trình Viettel hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0104753865 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 09 tháng 06 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ hai tại ngày 16 tháng 10 năm 2014.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 1 phố Giang Văn Minh, Quận Ba Đình, Hà Nội.

Văn phòng giao dịch của Công ty đặt tại lô D26 Khu đô thị mới, Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Công Vinh	Chủ tịch	
Ông Dương Quốc Chính	Thành viên	(Bỏ nhiệm ngày 24 tháng 12 năm 2014)
Ông Tô Văn Hùng	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 24 tháng 12 năm 2014)
Ông Trần Đình Hà	Thành viên	
Bà Đào Thúy Hương	Thành viên	
Ông Lê Tiến Dũng	Thành viên	

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Dương Quốc Chính	Giám đốc	(Bỏ nhiệm ngày 03 tháng 10 năm 2014)
Ông Tô Văn Hùng	Phó Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 03 tháng 10 năm 2014)
Ông Lê Minh Nghiệm	Phó Giám đốc	(Bỏ nhiệm ngày 24 tháng 12 năm 2014)
Ông Nguyễn Văn Thúc	Phó Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 24 tháng 12 năm 2014)
Ông Trần Đình Hà	Phó Giám đốc	
Ông Vũ Phương Tây	Phó Giám đốc	

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Đặng Kim Hoa	Trưởng ban
Bà Trương Thu Hà	Thành viên
Ông Nguyễn Bá Nhiên	Thành viên

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

## CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC, ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2015

TM. Ban Giám đốc  
Giám đốc



Dương Quốc Chính



Số: 609/2015/BC.KTTC-AASC.KT6

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Công trình Viettel**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Công trình Viettel được lập ngày 16 tháng 03 năm 2015, từ trang 6 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi đã tham gia chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho của Công ty tại thời điểm kết thúc năm tài chính, tuy nhiên với các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi không thể đánh giá được tính chính xác và phù hợp của số dư Khoản mục Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cũng như không thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Công trình Viettel tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**

**Phạm Thị Thanh Giang**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0286-2013-002-1

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2015

**Nguyễn Anh Ngọc**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 1437-2013-002-1



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
		VND	VND
<b>100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.029.683.127.687</b>	<b>796.770.315.766</b>
110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	49.799.834.175	13.547.211.137
111 1. Tiền		49.799.834.175	13.547.211.137
130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn		454.062.802.279	318.812.432.648
131 1. Phải thu khách hàng		370.638.272.383	184.442.310.738
132 2. Trả trước cho người bán		94.494.999.086	114.037.175.379
134 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		7.192.397.436	4.963.144.803
135 5. Các khoản phải thu khác	4	7.420.941.710	17.128.385.181
139 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(25.683.808.336)	(1.758.583.453)
140 IV. Hàng tồn kho	5	465.363.378.437	428.106.603.183
141 1. Hàng tồn kho		481.783.210.259	436.049.538.082
149 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(16.419.831.822)	(7.942.934.899)
150 V. Tài sản ngắn hạn khác		60.457.112.796	36.304.068.798
151 1. Chi phí trả trước ngắn hạn		340.554.890	-
152 2. Thuế GTGT được khấu trừ		8.861.301.466	-
154 3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	6	131.727.946	4.365.798
158 5. Tài sản ngắn hạn khác	7	51.123.528.494	36.299.703.000
<b>200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>47.412.150.081</b>	<b>47.449.857.867</b>
220 II. Tài sản cố định		32.914.455.277	30.525.906.771
221 1. Tài sản cố định hữu hình	8	13.429.597.255	10.074.214.761
222 - Nguyên giá		60.473.184.434	56.000.231.971
223 - Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(47.043.587.179)	(45.926.017.210)
227 3. Tài sản cố định vô hình	9	19.225.258.022	20.451.692.010
228 - Nguyên giá		24.336.888.039	24.336.888.039
229 - Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(5.111.630.017)	(3.885.196.029)
230 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	259.600.000	-
240 III. Bất động sản đầu tư	11	7.848.359.877	12.365.737.049
241 - Nguyên giá		27.104.263.033	27.104.263.033
242 - Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(19.255.903.156)	(14.738.525.984)
260 V. Tài sản dài hạn khác		6.649.334.927	4.558.214.047
261 1. Chi phí trả trước dài hạn	12	6.608.246.702	4.558.214.047
262 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	27.2	41.088.225	-
<b>270 TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.077.095.277.768</b>	<b>844.220.173.633</b>

CỤC THUẾ TP. HÀ NỘI  
TIẾP NHẬN HỒ SƠ HÀNH CHÍNH THUẾ  
NĂM 2015  
Ngày: 31-03-  
Kê khai thuế  
Nhà nước

M.S.D.N. 01  
Hà Nội

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

(tiếp theo)

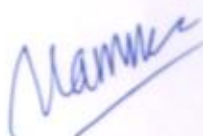
Mã số NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
		VND	VND
<b>300 A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>640.674.838.318</b>	<b>470.552.946.419</b>
<b>310 I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>570.269.068.753</b>	<b>428.029.994.096</b>
311 1. Vay và nợ ngắn hạn	13	96.932.140.361	1.285.964.160
312 2. Phải trả người bán		134.479.016.452	97.249.371.144
313 3. Người mua trả tiền trước		53.781.185.490	39.362.980.709
314 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	43.190.493.056	27.518.633.120
315 5. Phải trả người lao động		49.224.686.411	50.589.922.606
316 6. Chi phí phải trả	15	93.666.154.059	143.535.149.853
319 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	16	52.655.287.079	20.460.779.020
320 10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	17	46.056.896.999	47.267.993.824
323 11. Quỹ khen thưởng phúc lợi		283.208.846	759.199.660
<b>330 II. Nợ dài hạn</b>		<b>70.405.769.565</b>	<b>42.522.952.323</b>
338 8. Doanh thu chưa thực hiện	18	70.405.769.565	42.522.952.323
<b>400 B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>436.021.445.343</b>	<b>373.575.219.710</b>
<b>410 I. Vốn chủ sở hữu</b>	19	<b>436.021.445.343</b>	<b>373.575.219.710</b>
411 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		238.000.000.000	238.000.000.000
416 6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(1.559.825.074)	(8.392.917)
417 7. Quỹ đầu tư phát triển		38.416.525.187	38.416.525.187
418 8. Quỹ dự phòng tài chính		10.268.618.655	10.268.618.655
420 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		150.896.126.575	86.898.468.785
<b>439 C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>		<b>398.994.107</b>	<b>92.007.504</b>
<b>440 TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.077.095.277.768</b>	<b>844.220.173.633</b>



**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Chỉ tiêu	31/12/2014	01/01/2014
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	42.424.516	42.424.516
4. Nợ khó đòi đã xử lý	1.207.812.423	1.207.812.423
5. Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ	468.619,06	10.661,82
- Gourdes Haiti	159.201,98	129.987,54
- Soles Peru	955.789,00	735.587,61
- Fcfa Cameroon	121.061.605,00	-
- Bif Burundi	48.198.113,00	-
- Mnz Mozambique	14.699.640,26	-

Người lập biểu



Nguyễn Văn Nam

Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Hải

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2015



Giám đốc

Dương Quốc Chính



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Năm 2014

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	1.287.380.355.154	1.289.670.473.302
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.287.380.355.154	1.289.670.473.302
11	4. Giá vốn hàng bán	21	1.124.570.189.306	1.175.762.983.653
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		162.810.165.848	113.907.489.649
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	3.028.312.298	552.461.053
22	7. Chi phí tài chính	23	9.856.103.858	934.814.571
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		3.337.303.479	934.814.571
24	8. Chi phí bán hàng		11.512.555	63.314.266
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	74.514.655.008	43.017.668.893
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		81.456.206.725	70.444.152.972
31	11. Thu nhập khác	25	48.267.739.803	17.946.751.522
32	12. Chi phí khác	26	2.004.176.372	471.431.097
40	13. Lợi nhuận khác		46.263.563.431	17.475.320.425
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		127.719.770.156	87.919.473.397
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	34.261.018.423	22.388.711.710
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	27.2	(41.088.225)	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		93.499.839.958	65.530.761.687
61	18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số		307.048.369	474.560
62	18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		<u>93.192.791.589</u>	<u>65.530.287.127</u>
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	3.916	2.753

Người lập biểu



Nguyễn Văn Nam

Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Hải

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2015

Giám đốc




Dương Quốc Chính

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2014

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1.399.248.494.346	866.533.038.270
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(976.341.206.432)	(581.120.480.057)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động	(151.721.970.898)	(81.460.807.643)
04	4. Tiền chi trả lãi vay	(4.143.662.871)	-
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	(27.294.576.095)	(12.916.915.613)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	89.912.558.223	31.589.638.668
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(383.647.032.473)	(202.494.486.401)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(53.987.396.200)</b>	<b>20.129.987.224</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(1.747.080.603)	(1.076.818.182)
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	144.696.358	170.454.932
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>(1.602.384.245)</b>	<b>(906.363.250)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	194.201.269.695	721.699.653
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(98.194.321.916)	(293.163.000)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(4.312.328.584)	(23.927.652.000)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>91.694.619.195</b>	<b>(23.499.115.347)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>36.104.838.750</b>	<b>(4.275.491.373)</b>
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	13.547.211.137	17.822.024.969
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	147.784.288	677.541
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>3 49.799.834.175</b>	<b>13.547.211.137</b>

Người lập biểu

Nguyễn Văn Nam

Kế toán trưởng

Nguyễn Hữu Hải

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2015  
Giám đốc

Dương Quốc Chính